

Số: 06/2024/QĐST-LĐ

Dĩ An, ngày 21 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Kiều Thị Uyên.

Thư ký phiên họp: ông Phạm Anh Ly - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân thành phố D mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 29/2024/TLST-VLĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 08A/2024/QĐST-LĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu:** Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1986; thường trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện hợp pháp: Bà Hứa Thị T, sinh năm 1986 hoặc bà Trịnh Thị Thúy N, sinh năm 2001; cùng địa chỉ: Số A, đường E, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1991; địa chỉ liên hệ: xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Công ty TNHH L1; Địa chỉ: D - E đường số F, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị K trình bày:

Từ tháng 5/2007 đến tháng 8/2008, bà K làm việc tại Công ty TNHH I, địa chỉ: D - D M, Khu phố A, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và có đóng bảo hiểm xã hội số: 7910348741. Đến năm 2024, bà K tiến hành điều chỉnh thông tin bảo

hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà K bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm: là do em gái bà K tên Nguyễn Thị T1 sử dụng thông tin của bà K để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH L1 khoảng từ tháng 5/2007 đến tháng 8/2008. Đồng thời, trong thời gian đó, bà K giao kết hợp đồng lao động với Công Ty TNHH L1 từ tháng 10/2004 đến tháng 10/2007, đến tháng 12/2007, bà K giao kết hợp đồng lao động với Công ty T3 và làm việc đến tháng 01/2008

Do đó, bà K bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 5/2007 đến tháng 8/2008 tương đương với thời gian em gái Nguyễn Thị Tuyết mượn hồ sơ lao động của bà K.

Vào thời điểm năm 2007, bà T1 là em gái bà K chưa đủ 18 tuổi nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động. Bà K và bà Nguyễn Thị T1 là chị em ruột với nhau nên mới hỗ trợ em gái mượn thông tin cá nhân làm hồ sơ lao động. Vì chị em bà K không hiểu biết về pháp luật, chỉ nghĩ đến cách tìm kế sinh nhai nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay.

Vì vậy, nay bà K có yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giải quyết: Tuyên Hợp đồng lao động từ tháng 5/2007 đến tháng 8/2008 giữa bà Nguyễn Thị K và Công Ty TNHH L1 vô hiệu.

Bà Trương Thị Thúy L là đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan C trình bày:

Việc chị T1 mượn hồ sơ của chị K để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L1 thì thời điểm tuyển dụng Công ty không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả. Hồ sơ lao động của chị K hiện Công ty không còn lưu giữ nên không thể cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Do không còn lưu giữ nên Công ty TNHH L1 không biết chị K giao kết hợp đồng lao động với Công ty từ thời gian nào và thời gian bao lâu. Lỗi dẫn đến việc Công ty ký kết hợp đồng với chị K (nhưng chị T1 mới là người thực tế làm việc tại Công ty TNHH L1) là do chị K và chị T1. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho người yêu cầu đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu. Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu, Công ty L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Dương Văn T2 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công Ty TNHH L1 cho người lao động thì Công Ty TNHH L1 có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Nguyễn Thị K, sinh ngày 25/11/1986, số CMND 311889668 (CCCD 082186020037), với mã số BHXH 9104136780 từ tháng 10/2004 đến tháng 10/2007 chưa nhận trợ cấp BHXH và BHTN. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị K, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

Ngoài ra bà K còn có mã số 7910348741 tham gia BHXH từ tháng 8/2010 đến tháng 10/2021 tại Công ty TNHH I và từ tháng 10/2022 đến tháng 03/2023 tại Công ty TNHH II; mã số 9107075193 tham gia BHXH từ tháng 5/2007 đến tháng 8/2008 tại Công ty TNHH L1; mã số 9107279646 tham gia BHXH từ tháng 12/2007 đến tháng 12/2007 tại Công ty T4

Về các yêu cầu khác của bà Nguyễn Thị K phía Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương không có ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà T1 là em gái của bà K, vào thời điểm năm 2007 bà T1 chưa đủ 18 tuổi nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động, do không hiểu biết về mặt pháp luật nên bà T1 đã mượn hồ sơ và thông tin cá nhân của chị bà T1 là bà Nguyễn Thị K để làm hồ sơ lao động.

Bà T1 đã mượn thông tin cá nhân của bà K và đã làm việc tại Công Ty TNHH L1 khoảng từ 5/2007 đến tháng 8/2008. Đồng thời, vào tháng 12/2007, bà K cũng giao kết hợp đồng với Công ty T3 và làm việc đến tháng 01/2008.

Nay, đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị K về việc tuyên Hợp đồng lao động từ tháng 5/2007 đến tháng 8/2008 giữa bà Nguyễn Thị K và Công Ty TNHH L1 vô hiệu thì bà T1 đồng ý.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà K, bà T1, Bảo hiểm xã Hội thành phố D và đại diện hợp pháp của Công Ty TNHH L1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: trong thời gian từ tháng 5/2007 đến tháng 8/2008, người lao động tên Nguyễn Thị K, sinh ngày 25/11/1986, số CMND 311889668 (CCCD 082186020037) được Công Ty TNHH L1 tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là BHXH 9107075193. Quan hệ lao động giữa Công Ty TNHH L1 và bà Nguyễn Thị K phát sinh từ hợp đồng lao động tháng 5/2007. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị K và bà Nguyễn Thị T1 thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công Ty TNHH L1 và thực tế làm việc tại Công ty T5 khoảng thời gian từ tháng 5/2007 đến tháng 8/2008 theo hợp đồng lao động là bà Nguyễn Thị T1, không phải bà Nguyễn Thị K do bà T1 mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của bà K để đi làm việc. Đối với bà T1 trong thời gian này cũng có thời gian đang thực tế làm việc tại Công Ty TNHH L1. Mục đích mượn giấy tờ là để bà T1 có việc làm do thời gian này bà T1 chưa đủ 18 tuổi. Trình bày của bà K và bà T1 phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 5/2007 đến tháng 8/2008 bà Nguyễn Thị K có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công Ty TNHH L1 và Công ty T3. Xét thấy việc bà T1 lấy tên bà K để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó việc bà Nguyễn Thị K yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động từ tháng 5/2007 đến tháng 8/2008 giữa bà Nguyễn Thị K (do bà

Nguyễn Thị Tuyết m tên) với Công Ty TNHH L1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị K bị trùng từ tháng 5/2007 đến tháng 12/2007. Do đó, bà K yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công Ty TNHH L1 với bà K (do bà T1 sử dụng thông tin của bà K để ký) từ tháng 5/2007 đến tháng 8/2008 có cơ sở chấp nhận.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: bà Nguyễn Thị K phải chịu theo quy định.

[6] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 15, 16, 49 của Bộ luật lao động;

Điều 149, 367, 401, 402 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị Kiều

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị K, ngày 25/11/1986, số CMND 311889668 (CCCD 082186020037); địa chỉ liên hệ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang (do bà Nguyễn Thị T1 ký kết) với Công Ty TNHH L1 từ tháng 5/2007 đến tháng 8/2008 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 0004491 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- Các đương sự (04);
- Lưu :VT, hồ sơ vụ án (02).

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Kiều Thị Uyên